

BÀI TẬP TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CHI PHÍ, DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN CỦA DOANH NGHIỆP

Bài số 1:

Một doanh nghiệp có tài liệu về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm “X” như sau:

(Đơn vị: nghìn đồng)

I. Năm báo cáo

1. Số lượng sản phẩm sản xuất cả năm: 150.000 cái
2. Số lượng sản phẩm kết dư cuối năm báo cáo: 5.450 cái
3. Giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm: 2

II. Năm kế hoạch: Dự tính như sau:

1. Số lượng sản phẩm sản xuất cả năm tăng 15% so với năm báo cáo
2. Giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm hạ 5% so với năm báo cáo.
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tiêu thụ đều tính bằng 5% giá thành sản xuất sản phẩm tiêu thụ trong năm
4. Số lượng sản phẩm kết dư cuối năm tính bằng 6% sản lượng sản xuất cả năm.

III. Yêu cầu:

Tính giá thành toàn bộ sản phẩm “X” tiêu thụ năm kế hoạch?

Bài giải:

Ta có: $Q_d = 5450, Z_0 = 2$

$Q_x = 150.000 \times 1,15 = 172.500; Z_1 = 1,9$

$Q_c = 172.000 \times 0,06 = 10350$

$\Rightarrow Z_{sx} = Q_d \times Z_0 + (Q_x - Q_c) \times Z_1$

$= 5450 \times 20 + (172500 - 10350) \times 1,9 = 318985$

$\Rightarrow Z_{tb} = Z_{sx} \times 1,1 = 350833,5$

Bài số 2:

Doanh nghiệp X có tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm A như sau:

(Đơn vị: nghìn đồng)

I. Tài liệu năm báo cáo:

1. Số sản phẩm kết dư đầu năm : 215 sản phẩm
2. Số lượng sản xuất và tiêu thụ thực tế 9 tháng đầu năm và dự kiến quý IV

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>9 tháng đầu năm</i>	<i>DK quý IV</i>
1. Số lượng sản xuất (SP)	4.100	1.700
2. Số lượng tiêu thụ (SP)	3.700	1.800

3. Giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm: 200 (không thay đổi so với năm trước)

II. Tài liệu năm kế hoạch: Dự kiến như sau:

- Sản lượng sản xuất cả năm tăng 10% so với năm báo cáo.
- Giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm hạ 10% so với năm báo cáo.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tiêu thụ sản phẩm (năm kế hoạch như năm báo cáo) đều tính theo 5% giá thành sản xuất sản phẩm tiêu thụ.
- Trong năm tiêu thụ hết số sản phẩm kết dư đầu năm và 90% số sản xuất trong năm.

III. Yêu cầu:

Tính giá thành toàn bộ sản phẩm A tiêu thụ năm báo cáo và năm kế hoạch của doanh nghiệp X?

Bài giải:

Ta có: $Z_0 = 200$

$$Q_d = 215 + (4100 - 3700) + (1700 - 1800) = 515$$

$$Q_x = (4100 + 1700) \times 1,1 = 6380$$

$$Q_t = 515 + 6380 \times 0,9 = 6257$$

$$Z_1 = 200 \times 0,9 = 180$$

Giá thành toàn bộ sản phẩm A tiêu thụ:

- Năm báo cáo:

$$Z_{0sx} = (3700 + 1800) \times 200 = 1.100.000$$

$$\text{đ } Z_{0tb} = Z_{0sx} \times 1,1 = 1.210.000$$

- Năm kế hoạch:

$$Z_{sx} = Q_d \times Z_0 + (Q_t - Q_d) \times Z_1$$

$$= 515 \times 200 + (6257 - 515) \times 180 = 1.136.560$$

$$\Rightarrow Z_{tb} = Z_{sx} \times 1,1 = 1.250.216$$

Bài số 3: (Đơn vị: nghìn đồng)

Căn cứ vào tài liệu sau của doanh nghiệp X, hãy xác định:

1. Giá thành toàn bộ sản phẩm A và sản phẩm B tiêu thụ năm kế hoạch?
2. Mức hạ và tỷ lệ hạ giá thành sản xuất của sản phẩm tiêu thụ năm kế hoạch?

I. Tài liệu năm báo cáo

1. Giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm:
 - Sản phẩm A: 1.550
 - Sản phẩm B: 1.650
2. Số lượng sản phẩm kết dư dự tính cuối năm:
 - Sản phẩm A: 105 cái
 - Sản phẩm B: 120 cái

II. Tài liệu năm kế hoạch

1. Số lượng sản phẩm sản xuất cả năm dự kiến như sau:
 - Sản phẩm A: 3.100 cái
 - Sản phẩm B: 1.750 cái
2. Định mức hao phí vật tư và lao động cho 1 đơn vị sản phẩm năm KH như sau:

Khoản chi phí	Đơn giá	Định mức tiêu hao cho 1 đơn vị SP	
		SP A	SP B
1. Nguyên vật liệu chính <i>Trong đó: Trọng lượng tính</i>	40	15 kg 11 kg	20 kg 16 kg
2. Vật liệu phụ	10	4kg	6 kg
3. Giờ công chế tạo sản phẩm	12,5	50 giờ	40 giờ
4. BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN (23%)			

3. Dự toán chi phí sản xuất chung năm kế hoạch như sau:

Khoản chi phí	Chi phí SX chung
1. Tiền lương cán bộ, nhân viên quản lý	90.000
2. BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN (23%)	
3. Nhiên liệu, động lực	10.800
4. Vật liệu phụ, công cụ dụng cụ	50.000
5. Khấu hao TSCĐ	71.500
6. Các chi phí khác bằng tiền	94.500
Cộng	

4. Chi phí sản xuất chung được phân bổ hết cho sản phẩm hoàn thành trong năm kế hoạch theo tiền lương công nhân sản xuất sản phẩm.
5. Chi phí tiêu thụ sản phẩm dự tính bằng 5% và chi phí quản lý doanh nghiệp bằng 3% giá thành sản xuất của mỗi loại sản phẩm tiêu thụ trong năm
6. Phế liệu thu hồi từ nguyên liệu chính là 50%, giá 1 kg phế liệu là: 10
7. Số lượng sản phẩm kết dư dự tính cuối năm mỗi loại là 100 cái.

Bài giải

Ta có: $Z_{0A} = 1.550$; $Q_{đA} = 105$

$Z_{0B} = 1.650$; $Q_{đB} = 120$

$Q_{xA} = 31.00$; $Q_{cA} = 100$

$Q_{xB} = 1.750$; $Q_{cB} = 100$

$\Sigma \text{CFSX chung} = 90.000 \times 1,23 + 10.800 + 50.000 + 71.500 + 94.500$
 $= 337.500$

CFSX chung cho một đơn vị sản phẩm

- Sản phẩm A:

$(12,5 \times 50) / (12,5 \times 50 \times 3.100 + 12,5 \times 40 \times 1750) = 75$

- Sản phẩm B:

$-(12,5 \times 40) / (12,5 \times 50 \times 3.100 + 12,5 \times 40 \times 1750) = 60$

CFNVL trực tiếp

- Sản phẩm A:

$40 \times 15 - 4 \times 0,5 \times 10 + 4 \times 10 = 620$

- Sản phẩm B:

$40 \times 20 - 4 \times 0,5 \times 10 + 6 \times 10 = 840$

Chi Phí nhân công trực tiếp:

- Sản phẩm A:

$12,5 \times 50 \times 1,23 = 768,75$

- Sản phẩm B:

$12,5 \times 40 \times 1,23 = 615$

$\text{đ } Z_{1A} = 75 + 620 + 768,75 = 1.463,75$

$Z_{1B} = 60 + 840 + 615 = 1.515$

Giá thành toàn bộ năm kế hoạch

$Z_{sxA} = Z_{0A} \times Q_{đA} + (Q_{xA} - Q_{cA}) \times Z_{1A}$
 $= 1.550 \times 105 + (3100 - 100) \times 1.463,75$

$$= 4.554.000$$

$$\Rightarrow Z_{tbA} = Z_{sxA} \times 1,08 = 4.918.320$$

$$Z_{sxB} = Z_{0B} \times Q_{dB} + (Q_{xB} - Q_{cB}) \times Z_{1B}$$

$$= 1.650 \times 120 + (1750 - 100)$$

$$= 2.697.750$$

$$\Rightarrow Z_{tbB} = Z_{sxB} \times 1,08 = 2.913.570$$

Mức hạ giá thành và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm năm kế hoạch:

- Sản phẩm A:

$$M_{ZA} = Q_{xA} \times Z_{1A} - Q_{xA} \times Z_{0A}$$

$$= 3.100 \times (1.463,75 - 1.550)$$

$$= - 267.375$$

$$T_{ZA} = M_{ZA} / (Q_{xA} \times Z_{0A}) = -267.375 / (3.100 \times 1.550) \approx 5,56\%$$

- Sản phẩm B:

$$M_{ZB} = Q_{xB} \times Z_{1B} - Q_{xB} \times Z_{0B}$$

$$= 1.750 \times (1515 - 1650)$$

$$= - 236.250$$

$$T_{ZB} = M_{ZB} / (Q_{xB} \times Z_{0B}) = - 236.250 / (1.750 \times 1.650) \approx 8,18\%$$

Bài số 4:

Một DN có tài liệu như sau: (Đơn vị: nghìn đồng)

I. Năm báo cáo

1. Tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm A:

- Sản phẩm tồn kho ngày 30/9 là 1.130 SP.

- Dự kiến quý 4: Sản xuất :10.580 SP và tiêu thụ: 9.810 SP

2. Số liệu dự kiến 31/12:

- Vay ngắn hạn: 500.000

- Vay dài hạn : 1.500.000 (dùng cho sản xuất kinh doanh)

II. Năm kế hoạch: Dự kiến như sau:

1. Tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm:

* Sản phẩm A

- Số lượng sản phẩm sản xuất cả năm: 49.200

- Giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm: 30,4 (hạ 5% so với năm báo cáo)

- Số lượng sản phẩm dự kiến kết dư cuối năm: 1.500

- Giá bán đơn vị sản phẩm (chưa có thuế GTGT): 48

- Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tiêu thụ sản phẩm đều tính bằng 5% giá thành sản xuất sản phẩm tiêu thụ trong năm.

* Các sản phẩm khác

- Tổng doanh thu tiêu thụ cả năm: 540.670

- Tổng giá thành toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ trong năm: 320.250

2. Tình hình khác:

- Nhượng bán một TSCĐ nguyên giá 340.000 (đã khấu hao 175.000). Giá nhượng bán là 180.000. Chi phí tân trang lại tài sản trước khi nhượng bán là 10.000.

- Lãi suất vay ngắn hạn: 12%/năm (50% vốn trả vào cuối tháng 1 và 50% trả vào cuối tháng 3)

- Lãi suất vay dài hạn: 15%/năm.

- Lãi tiền gửi không kỳ hạn dự tính trong năm là 82.000.

- Chiết khấu thương mại dự tính cho khách hàng hưởng là 54.800

III. Yêu cầu: Hãy tính các chỉ tiêu năm kế hoạch:

1. Tổng doanh thu thuần?

2. Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh?

3. Tính các loại thuế phải nộp?

Biết rằng

- Thuế GTGT được khấu trừ cả năm kế hoạch dự kiến: 110.250

- Toàn bộ SP tiêu thụ và các hoạt động nhượng bán, thanh lý TSCĐ đều chịu thuế GTGT (theo phương pháp khấu trừ) với thuế suất là 10%. Giá nhượng bán và chi phí nhượng bán TSCĐ đều là giá chưa có thuế GTGT.

- Thuế suất thuế TNDN 25%.

Bài giải

Tóm tắt

$$Z_{0A} = 30,4 / 0,95 = 32$$

$$Q_{đA} = Q_{c3A} + Q_{x4A} - Q_{t4A} = 1.130 + 10.580 + 9.810 \\ = 1.900$$

$$Z_{1A} = 30,4; Q_{xA} = 49.200; Q_{cA} = 1.500; G_A = 48$$

$$Q_{tA} = Q_{đA} + Q_{xA} - Q_{cA} = 1.900 + 49.200 - 1.500 = 49.600$$

$$\Rightarrow Z_{sxA} = Q_{đA} \times Z_{0A} + (Q_{tA} - Q_{đA}) \times Z_{1A} \\ = 1.900 \times 32 + (49.600 - 1.900) \times 30,4 \\ = 1.510.880$$

$$\text{đ } Z_{tbA} = Z_{0A} \times 1,1 = 1.661.968$$

Giá thành toàn bộ của DN:

$$Z_{tb} = Z_{tbA} + Z_{tbSP\neq} = 1.661.968 + 320.250 = 1.982.218$$

1. Tính Doanh thu thuần năm kế hoạch

- Doanh thu bán hàng sản phẩm A:

$$D_{ttA} = Q_{tA} \times G_A = 2.380.800$$

- Doanh thu bán hàng sản phẩm ≠: $D_{tt\neq} = 540.670$

=> Doanh thu bán hàng của DN:

$$D_{tt} = D_{ttA} + D_{tt\neq} = 2.921.470$$

đ Doanh thu thuần của Doanh nghiệp năm kế hoạch

$D_{th} = D_{tt} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$

$$= 2.921.470 - 54.800 = 2.866.670$$

- Doanh thu từ HĐTC, CFTC:

$$D_{HĐTC} = 82.000$$

$$C_{FHĐTC} = 1.500.000 \times 15\% + 500.000 \times 12\%/12 + (250.000 \times 12\%/12) \times 2 \\ = 235.000$$

- Thu nhập khác:

$$TN_{\neq} 180.000$$

$$C_{FHĐ\neq} = 340.000 - 175.000 + 10.000 = 175.000$$

2. Tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm kế hoạch

- Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:

$$P_{thHĐKD} = (D_{th} - Z_{tb}) + (D_{HĐTC} - C_{FHĐTC}) \\ = (2.866.670 - 1.982.218) + (82.000 - 235.000) \\ = 731.452$$

- Lợi nhuận từ hoạt động khác:

$$P_{HĐ\neq} = TN_{\neq} - C_{FHĐ\neq} = 180.000 - 175.000 = 5.000$$

=> Lợi nhuận trước thuế:

$$P_{tt} = P_{thHĐKD} + P_{HĐ\neq} = 736.452$$

3. Tính các loại thuế phải nộp năm kế hoạch

$$VAT_{đ\text{ra}} = 2.866.670 \times 10\% + 180.000 \times 10\% \\ = 304.667$$

$$VAT_{đ\text{vào}} = 110.250$$

$$\Rightarrow \text{VAT}_{\text{nộp}} = \text{VAT}_{\text{đưa}} - \text{VAT}_{\text{đào}} = 194.417$$

$$\text{Thuế}_{\text{TNDN}} = \text{Ptt} \times 25\% = 182.863$$

$$\Sigma \text{Thuế}_{\text{phải nộp}} = 377.280$$

Bài số 5:

Doanh nghiệp X có tài liệu sau: (Đơn vị: nghìn đồng)

I. Tài liệu năm báo cáo

1. Giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm H là 76.

2. Dự kiến số liệu 31/12 như sau:

- Số sản phẩm H chưa tiêu thụ là 280 sản phẩm.

- Vay ngắn hạn: 460.000

II. Tài liệu năm kế hoạch: dự kiến như sau:

1. Tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm H:

- Sản lượng sản xuất cả năm: 12.500 sản phẩm

- Trong năm sẽ tiêu thụ hết số sản phẩm kết dư đầu năm và 95% số sản phẩm sản xuất trong năm.

- Giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm hạ 5% so với năm báo cáo.

- Giá bán đơn vị sản phẩm (chưa có thuế GTGT) là: 119

2. Các loại sản phẩm khác:

- Tổng doanh thu tiêu thụ cả năm: 350.000

- Giá thành toàn bộ: 319.000

3. Tình hình khác:

- Thanh lý một TSCĐ hết hạn sử dụng, nguyên giá 600.000. Thu từ thanh lý là 15.000. Chi phí thanh lý là 4.500

- Lãi suất vay ngắn hạn là 12%/năm (toàn bộ vốn gốc và lãi trả vào cuối tháng 3)

- Chiết khấu thanh toán được hưởng trong năm dự kiến 50.000

III. Yêu cầu: Hãy xác định:

1. Tổng lợi nhuận trước thuế năm kế hoạch?

2. Tính các loại thuế phải nộp trong năm kế hoạch?

Biết rằng:

- Năm báo cáo chỉ sản xuất và tiêu thụ một loại sản phẩm.

- Sản phẩm H thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế suất là 40%.

- Chi phí tiêu thụ và chi phí quản lý doanh nghiệp đều tính bằng 5% giá thành sản xuất sản phẩm tiêu thụ trong năm.

- Toàn bộ SP tiêu thụ và các hoạt động nhượng bán, thanh lý TSCĐ đều chịu thuế GTGT (theo phương pháp khấu trừ) với thuế suất là 10%. Tổng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ năm KH dự kiến là 142.000. Giá thanh lý và chi phí thanh lý TSCĐ đều là giá chưa có thuế GTGT.

- Thuế suất thuế TNDN là 25%.

- Doanh nghiệp trích lập quỹ khoa học công nghệ 10%.

Tóm tắt

$$Z_{0H} = 76; Q_{đH} = 280$$

$$Z_{1H} = Z_{0H} \times 0,95 = 72,2; Q_{xH} = 12.500;$$

$$Q_{cH} = 12.500 \times 0,05 = 625; G_H = 48$$

$$Q_{tH} = Q_{đH} + Q_{xH} - Q_{cH} = 280 + 12.500 - 625 = 12.155$$

$$\Rightarrow Z_{sxH} = Q_{đH} \times Z_{0H} + (Q_{tH} - Q_{đH}) \times Z_{1H}$$

$$= 280 \times 76 + (12.155 - 625) \times 72,2$$

$$= 878.655$$

$$\Rightarrow Z_{tbH} = Z_{sxH} \times 1,1 = 966.520,5$$

Giá thành toàn bộ của DN Năm kế hoạch:

$$Z_{tb} = Z_{tbH} + Z_{tbsp\neq} = 966.520,5 + 319.000 = 1.285.520,5$$

Tính Doanh thu thuần năm kế hoạch:

- Doanh thu bán hàng sản phẩm H:

$$D_{ttH} = Q_{tH} \times G_H = 12.155 \times 119 = 1.446.445$$

- Doanh thu bán hàng sản phẩm ≠: $D_{tt\neq} = 350.000$

\Rightarrow Doanh thu bán hàng của DN:

$$D_{tt} = D_{ttH} + D_{tt\neq} = 1.796.445$$

- Thuế TTĐB sản phẩm H:

$$\text{Thuế}_{TTĐB} = (D_{ttH}/1,4) \times 0,4 = 413.270$$

\Rightarrow **Doanh thu thuần của Doanh nghiệp:**

$$D_{th} = D_{tt} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

$$= D_{tt} - \text{Thuế}_{TTĐB} = 1.796.445 - 413.270 = 1.383.175$$

- Doanh thu từ HĐTC, CFTC:

$$D_{HĐTC} = 50.000$$

$$C_{FHĐTC} = (460.000 \times 0,12/12) \times 3 = 13.800$$

- Thu nhập khác:

$$TN_{\neq} = 15.000$$

$$CF_{HĐ\neq} = 4500$$

1. Tổng lợi nhuận trước thuế năm kế hoạch:

- Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:

$$P_{\text{thHĐKD}} = (D_{\text{th}} - Z_{\text{tb}}) + (D_{\text{HĐTC}} - CF_{\text{HĐTC}})$$

$$= (1.383.175 - 1.282.520,5) + (50.000 - 13.800)$$

$$= 133.854,5$$

- Lợi nhuận từ hoạt động khác:

$$P_{\text{HĐ\#}} = TN_{\#} - CF_{\text{HĐ\#}} = 15.000 - 4.500 = 10.500$$

=> **Lợi nhuận trước thuế:**

$$P_{\text{tt}} = P_{\text{thHĐKD}} + P_{\text{HĐ\#}} = 144.354,5$$

2. Tính các loại thuế phải nộp:

$$VAT_{\text{đưa}} = 1.796.445 \times 10\% + 15.000 \times 10\%$$

$$= 181.144,5$$

$$VAT_{\text{đvào}} = 142.000$$

$$VAT_{\text{nộp}} = VAT_{\text{đưa}} - VAT_{\text{đvào}} = 39.144,5$$

$$\text{Thuế}_{\text{TNDN}} = (P_{\text{tt}} - \text{trích lập quỹ KHCN}) \times 25\%$$

$$= 1.443.354,5 \times 0,9 \times 0,25 = 32.479,763$$

$$\Sigma \text{Thuế}_{\text{phải nộp}} = \text{Thuế}_{\text{TTĐB}} + VAT_{\text{nộp}} + \text{Thuế}_{\text{TNDN}} = 484.894,763$$

Bài số 6:

Doanh nghiệp Y có tài liệu sau: (Đơn vị: nghìn đồng)

I. Năm báo cáo: Số liệu dự kiến ngày 31/12:

- Số lượng sản phẩm A kết dư ngày 31/12 là 1.050 sp

- Vay dài hạn (dùng cho sản xuất kinh doanh): 1.800.000 (lãi suất 15%/năm)

II. Năm kế hoạch

1. Dự kiến tình hình sản xuất và tiêu thụ các loại sản phẩm như sau:

Sản phẩm A

- Số lượng sản phẩm sản xuất cả năm tăng 20% so với năm báo cáo.

- Số lượng sản phẩm kết dư cuối năm bằng 10% số lượng sản xuất cả năm.

- Giá bán đơn vị sản phẩm (chưa có thuế GTGT): 110

- Giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm: 78 (tăng 4% so với năm báo cáo).

Các loại sản phẩm khác

- Tổng doanh thu tiêu thụ: 710.000

- Tổng giá thành toàn bộ: 579.600

2. Tình hình khác dự tính như sau:

- Thanh lý một TSCĐ đã hết hạn sử dụng, nguyên giá 520.000. Giá thanh lý là 30.000. Chi phí thanh lý là 4.000.
- Đầu quý 3 vay ngắn hạn: 480.000, lãi suất 15%/năm (50% vốn gốc trả vào cuối tháng 7, còn lại trả nốt vào cuối tháng 9)
- Đầu tháng 4 trả vốn vay dài hạn: 1.000.000
 - Lãi tiền gửi không kỳ hạn cả năm là 74.000
 - Chiết khấu thanh toán cho khách hàng: 38.500
 - Chiết khấu thương mại cho khách hàng: 40.000

III. Yêu cầu: Hãy xác định:

1. Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần năm kế hoạch?
2. Tính các loại thuế phải nộp năm kế hoạch?

Biết rằng:

- Năm báo cáo chỉ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm A. Sản lượng sản phẩm A sản xuất năm báo cáo là: 13.000 sp
- Tổng chi phí QLDN và chi phí bán hàng tính bằng 5% giá thành sản xuất sản phẩm tiêu thụ cả năm.
- Toàn bộ SP tiêu thụ và các hoạt động nhượng bán, thanh lý TSCĐ đều chịu thuế GTGT (theo phương pháp khấu trừ). Thuế suất thuế GTGT áp dụng đối với tất cả các loại sản phẩm và hoạt động nhượng bán, thanh lý TSCĐ là 10%. Giá thanh lý và chi phí thanh lý TSCĐ đều là giá chưa có thuế GTGT. Tổng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ năm KH dự kiến là 105.600.
- Thuế suất thuế TNDN là 25%.

Bài giải

Tóm tắt

$$Z_{0A} = 78/1,04 = 75; Q_{đA} = 1.050$$

$$Z_{1A} = 78; Q_{xA} = 13.000 \times 1,2 = 15.600$$

$$Q_{cA} = 15.600 \times 0,1 = 1.560; G_A = 48$$

$$Q_{tA} = Q_{đA} + Q_{xA} - Q_{cA} = 1.050 + 15.600 - 1.560 = 15.090$$

$$\begin{aligned} \Rightarrow Z_{sxA} &= Q_{đA} \times Z_{0A} + (Q_{tA} - Q_{đA}) \times Z_{1A} \\ &= 1.050 \times 75 + (15.090 - 1.050) \times 78 \\ &= 1.173.870 \end{aligned}$$

$$\Rightarrow Z_{tbA} = Z_{sxA} \times 1,1 = 1.291.257$$

Giá thành toàn bộ của DN:

$$Z_{tb} = Z_{tbA} + Z_{tbSP\neq} = 1.291.257 + 579.600 = 1.870.857$$

Tính Doanh thu thuần năm kế hoạch:

- Doanh thu bán hàng sản phẩm A:

$$D_{ttA} = Q_{tA} \times G_A = 15.090 \times 110 = 1.659.900$$

- Doanh thu bán hàng sản phẩm #: $D_{tt\#} = 710.000$

=> Doanh thu bán hàng của DN:

$$D_{tt} = D_{ttA} + D_{tt\#} = 2.369.900$$

=> **Doanh thu thuần của Doanh nghiệp:**

$D_{th} = D_{tt} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$

$$= 2.369.900 - 40.000 = 2.329.900$$

- Doanh thu từ HĐTC, CFTC:

$$D_{HĐTC} = 74.000$$

$$C_{FHĐTC} = (1.800.000 \times 0,15/12) \times 3 + (800.000 \times 0,15/12) \times 9 + 480.000 \times 0,15/12 + (240.000 \times 0,15/12) \times 2 + 38.500$$

$$= 208.000$$

- Thu nhập khác:

$$TN_{\#} = 30.000$$

$$CF_{HĐ\#} = 4.000$$

Tính lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm kế hoạch:

- Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:

$$P_{thHĐKD} = (D_{th} - Z_{tb}) + (D_{HĐTC} - CF_{HĐTC}) \\ = (2.329.900 - 1.870.857) + (74.000 - 208.000) \\ = 325.043$$

- Lợi nhuận từ hoạt động khác:

$$P_{HĐ\#} = TN_{\#} - CF_{HĐ\#} = 30.000 - 4.000 = 26.000$$

=> Lợi nhuận trước thuế:

$$P_{tt} = P_{thHĐKD} + P_{HĐ\#} = 351.043$$

Tính Tỷ suất lợi nhuận gộp trên Doanh thu thuần năm kế hoạch:

$$\text{Ta có: } LN_{gộp} = D_{th} - Z_{sx}$$

$$\text{Trong đó: } Z_{sx} = Z_{sxA} + Z_{sx\ sp\#} = Z_{sxA} + Z_{tb\#}/1,1$$

$$= 1.173.870 + 579.600/1,1 = 1.700.779$$

$$\Rightarrow LN_{gộp} = 2.329.900 - 1.700.779 = 629.121$$

$$\Rightarrow ROS = LN_{gộp} / D_{th} = 629.121 / 2.329.900 \approx 27,00\%$$

1. Tính các loại thuế phải nộp:

$$VAT_{đra} = 2.329.900 \times 0,1 + 30.000 \times 0,1$$

$$= 235.990$$

$$\text{VAT}_{\text{đvào}} = 105.600$$

$$\text{VAT}_{\text{nộp}} = \text{VAT}_{\text{đra}} - \text{VAT}_{\text{đvào}} = 130.390$$

$$\text{Thuế}_{\text{TNDN}} = \text{Ptt} \times 25\% = 351.043 \times 0,25 = 87.760,75$$

$$\Sigma \text{Thuế}_{\text{phải nộp}} = 218.150,75$$

Bài số 7:

Một doanh nghiệp chuyên sản xuất và tiêu thụ một loại sản phẩm, có tài liệu như sau:
(Đơn vị: nghìn đồng)

I. Tài liệu năm báo cáo:

1. Giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm 50
2. Dự kiến số liệu tới 31/12:
 - Số lượng sản phẩm kết dư là 6.310 sản phẩm.
 - Vay dài hạn (dùng cho sản xuất kinh doanh): 1.500.000 (lãi suất 15%/năm)

II. Tài liệu năm kế hoạch: Dự kiến như sau:

1. Tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm:

- Số lượng sản phẩm sản xuất cả năm 47.500 sản phẩm
- Số lượng sản phẩm kết dư cuối năm 3.500 sản phẩm
- Giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm hạ 10% so với năm báo cáo
- Chi phí tiêu thụ sản phẩm và chi phí quản lý doanh nghiệp đều tính bằng 5% giá thành sản xuất sản phẩm tiêu thụ trong năm
- Giá bán đơn vị sản phẩm (chưa có thuế GTGT) 72

1. Tình hình khác

- Đầu tháng 6 vay 300.000 (thời hạn 1 năm, lãi suất 12%/năm)
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn: 73.000
- Chiết khấu thanh toán cho khách hàng hưởng là 40.000
- Chiết khấu thương mại cho khách hàng hưởng là 86.400

III. Yêu cầu: Hãy xác định:

- a, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm kế hoạch?
- b, Tính các loại thuế phải nộp năm kế hoạch?
- c, Tỷ suất lợi nhuận (sau thuế) tổng tài sản năm kế hoạch?

Biết rằng:

- Doanh nghiệp phải nộp thuế thu nhập với thuế suất là: 25%

- Sản phẩm chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, với thuế suất là 20%, chịu thuế GTGT (theo phương pháp khấu trừ) thuế suất là: 10%.

- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ cả năm kế hoạch là: 280.000

- Tổng tài sản bình quân năm KH: 2.000.000

Bài giải:

Ta có: $Q_d = 6.310$, $Z_0 = 50$

$Q_x = 47.500$; $Z_1 = 50 \times 0,9 = 45$; $Q_c = 3.500$

$Q_t = Q_d + Q_x - Q_c = 47.500 + 6.310 - 3.500 = 50.310$

ở $Z_{sx} = Q_d \times Z_0 + (Q_t - Q_d) \times Z_1$

$= 6.310 \times 50 + (50.310 - 6.310) \times 45$

$= 2.295.500$

$\Rightarrow Z_{tb} = Z_{sx} \times 1,1 = 2.525.050$

Tính Doanh thu thuần năm kế hoạch:

- Doanh thu bán hàng

$D_{tt} = Q_t \times G = 50.310 \times 72 = 3.622.320$

- Thuế tiêu thụ đặc biệt:

$Thuế_{TTĐB} = (D_{tt}/1,2) \times 0,2 = 603.720$

\Rightarrow **Doanh thu thuần của Doanh nghiệp:**

$D_{th} = D_{tt} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$

$= 3.622.320 - (603.720 + 86.400) = 2.932.200$

- Doanh thu từ HĐTC, CFTC:

$D_{HĐTC} = 73.000$

$CF_{HĐTC} = 1.500.000 \times 0,15 + (300.000 \times 0,12/12) \times 7 + 40.000$

$= 286.000$

- Thu nhập khác: không có

Tính lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm kế hoạch:

- Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:

$P_{thHĐKD} = (D_{th} - Z_{tb}) + (D_{HĐTC} - CF_{HĐTC})$

$= (2.932.200 - 2.525.050) + (73.000 - 286.000) = 194.150$

- Lợi nhuận trước thuế:

$P_{tt} = P_{thHĐKD} = 194.150$

Tính các loại thuế phải nộp:

$VAT_{đra} = (D_{th} + Thuế_{TTĐB}) \times 0,1$

$$= (2.932.200 + 603.720) \times 0,1$$

$$= 353.592$$

$$VAT_{\text{đvào}} = 280.000$$

$$VAT_{\text{nộp}} = VAT_{\text{đra}} - VAT_{\text{đvào}} = 73.592$$

$$\text{Thuế}_{\text{TNDN}} = P_{\text{tt}} \times 25\% = 194.150 \times 0,25 = 48.537,5$$

$$\Sigma \text{Thuế}_{\text{phải nộp}} = VAT_{\text{nộp}} + \text{Thuế}_{\text{TNDN}} + \text{Thuế}_{\text{TĐB}} = 725.849,5$$

Tính tỷ suất lợi nhuận (sau thuế) trên tổng tài sản năm kế hoạch:

- Lợi nhuận sau thuế:

$$P_{\text{st}} = P_{\text{tt}} - \text{Thuế}_{\text{TNDN}} = 145.612,5$$

$$\Rightarrow \text{ROA} = (P_{\text{st}}/T_{\text{BQ}}) \times 100 = (145.612,5 / 2.000.000) \times 100 \approx 7,28\%$$

Bài số 8 (Đơn vị: Triệu đồng)

Công ty Bình Minh có tình hình như sau:

I. Năm N: Số liệu dự kiến ngày 31/12 như sau:

- Vay ngắn hạn: 200
- Vay dài hạn : 200 (dùng cho sản xuất kinh doanh)
- Dự trữ vật tư: 200

II. Năm N+1

Dự kiến quý I như sau:

- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 720
- Trị giá vật tư nhập vào trong quý bằng 50% doanh thu tiêu thụ sản phẩm.
- Chi phí trực tiếp khác: 35
- Chi phí gián tiếp : 22
- Dự trữ vật tư cuối quý: 100
- Số thuế GTGT được khấu trừ: 45
- Cuối tháng 1 trả 50% vốn vay ngắn hạn và 50% trả vào cuối tháng 3
- Lãi tiền gửi: 25

III. Yêu cầu:

Tính các loại thuế Công ty phải nộp quý I năm N+1?

Biết rằng:

- + Tất cả các sản phẩm tiêu thụ đều chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, với thuế suất là 20% và chịu thuế GTGT (theo phương pháp khấu trừ), thuế suất 10%.
- + Lãi suất vay ngắn hạn là 12%/năm và vay dài hạn là 15%/năm

+ Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Bài giải:

Ta có: $D_{tt} = 720$

- Trị giá vật tư dùng trong quý I năm N+1:

$$200 + 720 \times 0,5 - 100 = 460$$

- Giá thành toàn bộ quý I năm N+1:

$$Z_{tb} = \sum CF \text{ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm}$$

$$= CF_{\text{vật tư}} + CF_{\text{trực tiếp khác}} + CF_{\text{gián tiếp}} + CF_{\text{lãi vay được vốn hóa}}$$

$$= 460 + 35 + 25 + (200 \times 0,15/12) \times 3$$

$$= 524,5$$

- Thuế tiêu thụ đặc biệt:

$$\text{Thuế}_{\text{TTĐB}} = (D_{tt}/1,2) \times 0,2 = 120$$

- Doanh thu thuần quý I năm N+1:

$$D_{th} = D_{tt} - \text{các khoản giảm trừ doanh thu}$$

$$= D_{tt} - \text{Thuế}_{\text{TTĐB}} = 720 - 120 = 600$$

- Doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính:

$$D_{\text{HĐTC}} = 25$$

$$CF_{\text{HĐTC}} = 200 \times 0,12/12 + (100 \times 0,12/12) \times 2$$

$$= 4$$

- Thu nhập khác: không có

- Lợi nhuận thuần từ HĐKD quý I năm N+1

$$P_{\text{thHĐKD}} = (D_{th} - Z_{tb}) + (D_{\text{HĐTC}} - CF_{\text{HĐTC}})$$

$$= (600 - 524,5) + (25 - 4) = 96,5$$

- Lợi nhuận trước thuế quý I năm N+1:

$$P_{tt} = P_{\text{thHĐKD}} = 96,5$$

Tính các loại thuế phải nộp quý I năm N+1:

$$\text{VAT}_{\text{đưa}} = D_{th} \times 0,1 = 72$$

$$\text{VAT}_{\text{đvào}} = 45$$

$$\text{VAT}_{\text{nộp}} = \text{VAT}_{\text{đưa}} - \text{VAT}_{\text{đvào}} = 27$$

$$\text{Thuế}_{\text{TNDN}} = P_{tt} \times 25\% = 96,5 \times 0,25 = 24,125$$

$$\sum \text{Thuế}_{\text{phải nộp}} = \text{VAT}_{\text{nộp}} + \text{Thuế}_{\text{TNDN}} + \text{Thuế}_{\text{TTĐB}}$$

$$= 27 + 24,125 + 120 = 171,125$$

Bài số 9 (Đơn vị: Triệu đồng)

Tình hình sản xuất kinh doanh quý I năm N của Công ty X như sau:

1. Số liệu ngày 1/1 như sau:

- Dự trữ vật tư: 200
- Vay dài hạn (dùng cho SXKD): 200
- Vay ngắn hạn: 200

2. Tình hình kinh doanh trong quý

- Doanh thu bán hàng: 900
- Tổng giá thanh toán vật tư nhập vào trong quý: 715
- Chi phí trực tiếp khác: 38
- Chi phí gián tiếp: 15
- Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ là 72

3. Dự trữ vật tư cuối quý: 100

4. Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, với thuế suất là 10% cho cả mua và bán hàng, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%

5. Lãi suất vay dài hạn 15%/năm và vay ngắn hạn là 12%/năm (vốn trả vào quý II)

6. Lãi tiền gửi: 18

Yêu cầu: Tính các loại thuế Công ty phải nộp quý I năm N?

Bài giải:

Ta có: $D_{tt} = 900$

- Trị giá vật tư dùng trong quý I:

$$200 + 715/1,1 - 100 = 750$$

- Giá thành toàn bộ quý I:

$Z_{tb} = \sum CF$ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

$$= CF_{\text{vật tư}} + CF_{\text{trực tiếp khác}} + CF_{\text{gián tiếp}} + CF_{\text{lãi vay được vốn hóa}}$$

$$= 750 + 38 + 15 + (200 \times 0,15/12) \times 3$$

$$= 810,5$$

- Doanh thu thuần quý I năm N+1:

$D_{th} = D_{tt} - \text{các khoản giảm trừ doanh thu}$

$$= 900$$

- Doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính:

$$D_{HĐTC} = 18$$

$$CF_{HĐTC} = (200 \times 0,12/12) \times 3 = 6$$

- Thu nhập khác: không có

- Lợi nhuận thuần từ HĐKD quý I:

$$P_{thHĐKD} = (D_{th} - Z_{tb}) + (D_{HĐTC} - CF_{HĐTC})$$

$$= (900 - 810,5) + (18 - 6) = 101,5$$

- Lợi nhuận trước thuế quý I:

$$P_{tt} = P_{thHĐKD} = 101,5$$

Tính các loại thuế phải nộp quý I:

$$VAT_{đra} = D_{th} \times 0,1 = 90$$

$$VAT_{đvào} = 72$$

$$VAT_{nộp} = VAT_{đra} - VAT_{đvào} = 18$$

$$Thuế_{TNDN} = P_{tt} \times 25\% = 101,5 \times 0,25 = 25,375$$

$$\Sigma \text{Thuế}_{\text{phải nộp}} = VAT_{nộp} + Thuế_{TNDN}$$

$$= 18 + 25,375 = 43,375$$

Bài số 10 (Đơn vị: Triệu đồng)

Cuối năm N, doanh nghiệp B có tình hình như sau:

- Vay dài hạn (dùng cho SXKD): 200
- Vay ngắn hạn: 200
- Dự trữ vật tư: 200

Ngày 1/1/N+1 DN tiến hành kinh doanh, các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh trong quý I như sau:

1. Doanh thu bán hàng mỗi tháng: 900
2. Trị giá vật tư mua từ trong nước (chưa có thuế GTGT) mỗi tháng: 600
3. Nhập khẩu vật tư hàng tháng, giá tính thuế nhập khẩu là 80
4. Chi phí trực tiếp khác mỗi tháng: 30
5. Chi phí gián tiếp mỗi tháng: 20
6. DN nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, thuế suất là 10% cho cả mua, bán hàng và nhập khẩu. Thuế suất thuế TNDN là 25%
7. Lãi vay dài hạn: 15%/năm, lãi vay ngắn hạn: 12%/năm, vốn trả vào quý II
8. Lãi tiền gửi: 21
9. Dự trữ vật tư cuối quý: 100

Yêu cầu: Tính các loại thuế phải nộp và lợi nhuận sau thuế quý I năm N+1

Biết rằng: Các loại vật tư nhập khẩu phải chịu thuế nhập khẩu 20% và thuế tiêu thụ đặc biệt là 10%. Q₂

Bài giải:

Ta có: $D_{tt} = 900 \times 3 = 2.700$

- Thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt vật tư nhập khẩu trong quý I năm N+1:

$$\text{Thuế}_{NK} = 80 \times 3 \times 0,2 = 48$$

$$\text{Thuế}_{TTDB} = (80 \times 3 + 48) \times 0,1 = 28,8$$

- Trị giá vật tư dùng trong quý I:

$$200 + 600 \times 3 + (80 \times 3 + 48 + 28,8) - 100 = 2.216,8$$

- Giá thành toàn bộ quý I:

$$Z_{tb} = \sum CF \text{ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm}$$

$$= CF_{\text{vật tư}} + CF_{\text{trực tiếp khác}} + CF_{\text{gián tiếp}} + CF_{\text{lãi vay được vốn hóa}}$$

$$= 2.216,8 + 30 \times 3 + 20 \times 3 + (200 \times 0,15/12) \times 3$$

$$= 2.374,3$$

- Doanh thu thuần quý I năm N+1:

$$D_{th} = D_{tt} - \text{các khoản giảm trừ doanh thu}$$

$$= D_{tt} - (\text{Thuế}_{TTDB} + \text{Thuế}_{NK})$$

$$= 2.700 - (48 + 28,8) = 2.623,2$$

- Doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính:

$$D_{HĐTC} = 21$$

$$CF_{HĐTC} = (200 \times 0,12/12) \times 3 = 6$$

- Thu nhập khác: không có

- Lợi nhuận thuần từ HĐKD quý I năm N+1

$$P_{thHĐKD} = (D_{th} - Z_{tb}) + (D_{HĐTC} - CF_{HĐTC})$$

$$= (2.623,2 - 2.374,3) + (21 - 6) = 253,9$$

- Lợi nhuận trước thuế quý I năm N+1:

$$P_{tt} = P_{thHĐKD} + LN_{\neq} = 253,9$$

Tính các loại thuế phải nộp quý I năm N+1:

$$VAT_{\text{đưa}} = D_{tt} \times 0,1 = 270$$

$$VAT_{\text{đvào}} = [600 \times 3 + (80 \times 3 + 48 + 28,8)] \times 0,1 = 211,68$$

$$VAT_{\text{nộp}} = VAT_{\text{đưa}} - VAT_{\text{đvào}} = 58,32$$

$$\text{Thuế}_{TNDN} = P_{tt} \times 25\% = 253,9 \times 0,25 = 63,475$$

$$\begin{aligned}\Sigma \text{Thuế phải nộp} &= \text{VAT}_{\text{nộp}} + \text{Thuế}_{\text{TNDN}} + \text{Thuế}_{\text{TTĐB}} + \text{Thuế}_{\text{NK}} \\ &= 58,32 + 63,475 + 28,8 + 48 = 198,595\end{aligned}$$

Lợi nhuận sau thuế của DN quý I năm N+1:

$$P_{\text{st}} = P_{\text{tt}} - \text{Thuế}_{\text{TNDN}} = 253,9 - 63,475 = 190,425$$

www.eLib.vn